

SỐ 1741

LƯỢC THÍCH
TÂN HOA NGHIÊM KINH TU HÀNH
THỨ ĐỆ QUYẾT NGHỊ LUẬN

Tác Giả: Cư Sĩ Lý Thông Huyền - Bắc Ninh (Đời Đường)

QUYỂN 1

PHẦN A

Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm là pháp môn nêu rõ về quả Phật của viên giáo nhưt thừa. Thể của quả Phật không có thành hoại, vì hóa độ chúng sinh nên hiện việc thành tựu chánh giác. Về hình tướng để đạt quả Phật tạm nêu nhân quả năm vị cảnh giớihoá độ, quả báo trang nghiêm đều là nhằm để chỉ dạy người sau, phát khởi ý chí, nương pháp tu tập và làm cho người tu hành biết đúng đường đúng hướng. Nếu không hiểu được nhân phát tâm ban đầu, làm sao phát tâm tu đạo thành Phật? Dù có người vì sợ tội tu Phước, bỏ vọng niệm, an trụ tâm, nguyện sanh cõi thanh tịnh, đạt quả nhị thừa, vĩnh viễn ra khỏi ba cõi, vẫn chỉ là mong cầu mình thoát khổ, chưa biến nỗi khổ của trời, người, ba đường ác khắp mười phương và tâm vĩnh viễn thành cảnh giới trí tuệ. Vì tất cả các chúng sinh và các đức Phật, cùng một biển trí. Giáo pháp ba thừa chỉ nói về không để phá trừ chấp có, nhưng tất cả chúng sinh sẵn có bản tánh thanh tịnh. Hơn nữa ba ngàn đại thiên cảnh giới đều là cảnh giới báo ứng của Phật. Lại nói trải qua vô số kiếp tu hạnh Bồ-tát, thành Phật. Hay nói ở nơi khác có cõi thanh tịnh, cõi này là cõi trước uế, đó đều là tùy thuận nhằm chỉ dạy chúng sinh, là thành biến

hoá, không chơn thật. Cảnh giới của trí như thừa không có biên giới. Nói cõi nước, thân hình bằng số bụi trong mười cõi Phật đan xen nhau là muốn nói sự rộng lớn như hư không không ban lượng. Cảnh giới của trí hòa nhập lẫn nhau. Vì nhằm giáo hoá đem lại lợi ích cho mọi loài nên phải như vậy. Song, kiếp số ba đời không đến, đi không bao giờ thay đổi, không thấy có ba đời, không thấy thế gian chúng sinh, không thấy có người thành Phật, không có chánh, pháp, tượng pháp, mật pháp, thời phần pháp, chỉ có tự tánh sáng suốt, trí lớn không do ai tạo ra như hư không, tâm đại bi bình đẳng vượt mọi sự tạo tác. Tùy thuận sự hiểu biết của chúng sinh mà làm lợi ích, không trái thời cơ, không thấy có pháp được tạo tác. Vì thế trí hiển hiện từ thiên định quán thiếu đó không phải do tu hành có được. Nhưng lòng từ bi lại được sanh khởi từ hạnh nguyện, không phải là tự nhiên. Vì lòng bi được thành tựu từ hạnh nguyện nên khi công đức tròn đủ thì hạnh nguyện không còn. Trong năm vị, vị thứ tám của mười trụ, mười hạnh, mười hồi hướng, mười địa, đều không còn dụng công, tùy ý dùng bi trí, thể hiện lợi ích. Đến vị Đẳng giác, bi trí mới tròn đầy nhưng thời gian không thay đổi, pháp cũng chẳng biến dời. Chỉ vì quả dị thực khác nhau chứ thời gian và giáo pháp xưa nay không khác. Cũng như sự sai khác của cảnh giới ba thừa và như thừa mênh mộng khó lường. Ở đây chỉ trình bày khái quát nếu trình bày đầy đủ thì không thể được. Chỉ muốn người tu hành thuận theo đường hướng vạch sẵn để không uổng công lao. Bộ kinh này tạm phân làm mười môn để làm khuôn mẫu tiến tu, mong những ai chưa đạt được bỏ thừa về chơn. Mười môn là:

1) Nêu quả Phật khuyên người tu hành phát sanh lòng tin. 2) Tự phát tâm tin hiểu tu hành. 3) Dùng định tóm thâu ba đời xưa nay. 4) Những chướng ngại của sự nhập quả Phật. 5) Tự tu hành thành tựu quả Phật. 6) Hạnh nguyện thường hằng của Phổ Hiền. 7) Trọn vẹn quả Phật, tất cả đều là pháp giới. 8) Thành Tựu quả Phật thuyết pháp thế gian. 9) Thuyết giáo khuyên tu. 10) Lên núi Diệu Phong tu hành nhập quả vị.

(1) *Nêu quả Phật khuyên người tu hành phát sanh lòng tin; đó là sáu phẩm kinh của hội thứ nhất.* Sáu phẩm kinh:

1) Thế chủ Diệu nghiêm: Nói về sự thành tựu chánh giác biểu trưng cho đạo giác của Như Lai và thân trí rộng lớn. Trong kinh chép: Từ trong tất cả các pháp thành tựu tối chánh giác, cùng lúc xuất hiện ở cõi trời người khắp mười phương. Kinh nêu lúc mới thành chánh giác: Đoạn dứt chấp ba đời dài ngắn, không thấy có xưa, nay là thí mở đầu; trí hiển hiện, vọng tướng mất lại thành; ba pháp lý trí, bi cùng một thể là

chánh; khi thông đạt cảnh giới của tâm thì tất cả vô minh liền thành trí lớn, chiếu soi mười phương, không thấy có pháp chứng đắc là giác; Tự thành tựu đạo là thành (những nghĩa khác đã nói rõ trong bản luận).

2) Hiện tướng: Từ Kim Khẩu Như Lai phóng ánh sáng, bảo tất cả đại chúng: Đức Phật thành chánh giác, đại chúng hãy tập trung. Đó là nói Ngũ nghiệp và âm thanh Như Lai vang khắp.

3) Định Phổ Hiền: Nói về thể dụng rộng lớn của Như Lai.

4) Thế giới thành tựu: Nói về thân hành rộng lớn của Như Lai, mỗi một thế giới có vô số trụ xứ, hoặc vuông, hoặc tròn, hoặc không phải vuông, không phải tròn, vô số sự khác biệt, hoặc như dòng suối, như ánh sáng trên núi... vô số hình trạng khác nhau, ngang bằng hư không, không thể hạn lượng được. Nhưng hạnh nguyện của Như Lai cùng khắp, nơi nào cũng có Như Lai thuyết pháp. Như Lai ở trước mọi loài, giáo hoá hợp thời là tiêu biểu hạnh nghiệp và cõi nước của Như Lai cõi nước độ sanh và hạnh nghiệp rộng lớn.

5) Thế giới Hoa Tạng: Nói về trí bi viên mãn của Như Lai, đạt công đức rộng lớn. Thế giới Hoa Tạng trang nghiêm cò núi Tu di, do vô số phong luân tạo thành. Số phong luân ấy gồm mười hai lớp sự trang trí ở mỗi lớp khác nhau. Mười hai lớp phong luân tượng trưng cho mười địa, Đẳng giác, diệu giác. Tất cả đều do hạnh nguyện tạo thành, là tâm mong cầu quả Phật ban đầu của mười địa, và đều sinh khởi từ sức nguyện lớn. Vô số phong luân trên núi Tu di đều có nguyện lớn. Sự trang nghiêm ở đó cũng đều do hạnh nguyện lớn. Vì hạnh phát sinh từ nguyện. Lại từ nguyện có công đức hạnh nghiệp. Điều đó có nghĩa là quả có từ nhân. Vì vậy ngoài Phổ Hiền nói: Thế giới Hoa Tạng trang nghiêm đều do nguyện lực của Phổ Hiền. Vì Phổ Hiền là hạnh nghiệp sai khác của trí, nghĩa là hạnh phát sinh từ nguyện. Nếu nói thật thì hạnh nguyện không cùng. Lược nói Tu di là thể của bụi trần nghĩa là địa thứ nhất vui tu hạnh của mười địa và hai vị Đẳng Giác, diệu giác. Trọn vẹn một hạnh nguyện bao hàm nguyện lớn không cùng. Như bốn nguyện rộng lớn tóm thâu vô số nguyện lớn. Nếu số ít bao quát số nhiều, như kinh chép: Đức Như Lai vì gần gũi vô số Phật, ở mỗi chỗ đức Phật tu vô số hạnh nguyện (rõ như trong kinh). Như trên, phong luân này có một biển nước thơm lớn. Trong biển nước thơm lớn có thế giới Hoa sen lớn. Trong đó lại có số biển nước thơm bằng số bụi trong mười cõi nước. Lại có vô số cõi nước nhiều bằng số bụi trong vô số cõi Phật, như lưới của Đế Thích. Trong đó lại có biển nước thơm tên Vô Biên Diệu Hoa Quang, ảnh hiện tất cả thân hình Bồ-tát. Đáy biển bằng ngọc Ma ni bảo

Vương Tràng. Có ao sen lớn tên Nhứt Thiết Hương Ma ni vương trang nghiêm, trên đó có các cõi chúng sinh. Trên dưới mỗi cõi nước có hai mươi tầng, càng lên trên càng rộng lớn. Trong mỗi tầng có đức Phật... (đã nói rõ kinh). Đó là nói về sự thăng tiến của mười địa. Trong mỗi địa, có người đã đạt quả, có người đang hưởng đến. Hai hạng này đều có nhân quả báo ứng rộng lớn thù thắng. Từ đâu trở lên trên càng thù thắng hơn. Trong tất cả các cõi đó đều có Phật... là nói nhân quả thăng tiến, đạt quả Phật. Trong mười địa có hai mươi tầng thế giới, hai mươi đức Phật. Đó đều là sự thăng tiến trong trí căn bản sáng suốt mà đặt tên nhưng thể tánh không sai khác. Trong Hoa sen có vô số cõi Phật nhật số biển nước thơm và các cõi nước, đó là cảnh giới báo ứng của một đức Phật, dụ cho cảnh giới của trí không thể lường được, sự giáo hóa đem lại lợi ích không thể lường được. Chung quang núi Kim Cang luân vi có mười cõi nước, trên dưới đều có bốn tầng cõi nước nghĩa là dùng bốn nhiếp pháp và bốn tâm vô lượng giáo hóa tất cả chúng sinh. Sanh khởi từ tâm không hạn lượng là tiêu biểu cho quả báo có từ nhân, quả không tự nhiên có. (Xin khái quát để biết, còn trong văn kinh và đại luận đã nói rất rõ).

6. Tỳ-lô-giá-na: Nêu thời đức Phật thời quá khứ để biểu hiện cho pháp xưa nay giống nhau, để phát khởi lòng tin, không nghi ngờ rằng: Xưa nay không có mà không tin tưởng. Với pháp trong giới này, người phát tâm Bồ Đề noi theo tu tập. Hơn nữa, trong phẩm Thế Thủ diệu Nghiêm thứ nhứt, có mười hội chúng Phổ Hiền và mười hội chúng khác như Nguyệt Quang... nghĩa là bao hàm tất cả mới thành tựu ý cùng khắp. Năm mươi chúng như trời, thần... chính là đại chúng của năm mươi vị mà đức Phật biến ra. Lại thị hiện thân nhập pháp. Nhập tức là đồng với sự hiểu biết với Phật. Ý nói, người tu hành thâm nhập tri kiến Phật, không tu lầm, (trong kinh đã nói rõ). Pháp thân không tướng, trí căn bản, trí sai biệt là nguồn gốc thân dụng của trí căn bản nhưng tạo tác, không hình tướng nhưng cùng khắp pháp giới, hư không. Bộ kinh này, nêu Văn Thủ Sư Lợi (Trung hoa dịch là Diệu Đức) tiêu biểu cho trí Huệ pháp thân không hình tướng. Phật Tỳ-lô-giá-na (Trung hoa dịch là Vô số ánh sáng) dùng trí căn bản sáng suốt soi chiếu tất cả chúng sinh. Tùy thuận để độ chúng sinh là Phổ Hiền pháp thân không hình tướng là tiêu biểu cho sự thành tựu hạnh từ bi của Phổ Hiền, ở trong thế gian mà không đắm nhiễm. Trí căn bản tiêu biểu cho thân tánh sáng suốt vốn không có thể tánh căn bản. Biết rõ nguồn gốc nghiệp của tất cả chúng sinh là Trí sai biệt. Ba pháp này cùng một thể tánh. Hàng mới phát tâm

phải nhờ thiền định chiếu soi mới khơi sáng được. Dùng tâm tin tưởng an lập pháp năm vị và hanh tu tập để khơi sáng ba pháp này. Trong sự tu tập, thường đưa ra ba vị Văn Thù, Phổ Hiền, Tỳ-lô-giá-na làm thể xuyên suốt, như người tu đạo, tuy có ý mong thành Phật nhưng phần nhiều bị vướng trong một pháp, không biết còn đường tiến tu, vì mê nên chấp giữ, không mong cầu đạo thù thắng, được chút ít đã cho là đủ. Vì thế ở lần thứ nhất, trong sáu phẩm đều có ba pháp này. Hàng mới phát tâm: biết tất cả pháp, lập chí nguyện như hạnh nguyện của Phật. Nhờ vô số hạnh nguyện đem lại sự thành tựu cho lòng tin. Đây là tin hạnh nguyện của Phật bên ngoài để thành tựu lòng tin nơi mình. (Lòng tin nơi mình đã được nói Điều Phổ Quang Minh của lần thứ tư). Trong lần thứ nhất, năm mươi hội chúng như thần, tám bộ quỷ vương là biểu hiện cho hạnh nguyện của Như Lai và nhân quả của năm vị. Che chở tất cả là biểu hiện trí nghiệp như hư không, không hình sắc nhưng công dụng cùng khắp, không đi mà đến, không tạo tác nhưng có công dụng. Tùy mọi vật thành tựu công dụng là thần. Thể tánh trong sạch không nhỏ, không bị ngăn ngại, ẩn hiện tự tại là trời. Vào trong sinh tử làm lợi ích cho chúng sinh bằng Trí chỉ trong tích tắc biết rõ mười phương nhưng lại chẳng phải trời, chẳng phải người, quý... Đó là biểu hiện công dụng thần diệu cùng khắp của Trí, vì thế ở trên, tạm nêu ra nhân, quả, cảnh, hạnh của năm vị để người phát tâm cầu thành Phật. Một mặt thực hành pháp như Phật đã hành, dùng sức nguyện lớn làm tất cả việc lành như thiền định, quán chiếu, ở mãi trong sinh tử, biến vô minh si, ái thành trí rộng lớn, biến biển lớn sinh tử thành biển bi trí lớn, không ra khỏi cũng không chìm đắm mà tâm không mệt mỏi. Mặt khác như hạnh Phật đã hành, quyết định tâm ý, phát tâm Bồ Đề, tin tâm mình, tu hành pháp thành Phật (như phần sau sẽ nói). Những ai phát tâm mong cầu quả Phật như thừa, tức chí nguyện bền vững, như hư không, không lay chuyển là vượt hơn hàng Thanh văn, Duyên giác và Bồ-tát ở cõi thanh tịnh. Vì ba vị này đều có tâm chán ghét sinh tử, không hiểu rằng vô minh sinh tử vốn là cảnh giới của Trí, tự tìm sự an lạc cho mình, không có trí bi lớn nên ở ngoài pháp như thừa, chỉ mong cầu quả nhỏ, tránh khổ sinh tử. Hàng Nhị thừa dùng sức thiền định quán chiếu, vượt khỏi nghiệp hiện tại của ba cõi, tự đốt thân, tan biến như hư không, vĩnh viễn đoạn dứt bi trí. Có kẻ ham tu thiền định, trải qua vô số kiếp, cho là đánh trống bên tai vẫn không nghe thấy. Bồ-tát cõi thanh tịnh chán ghét sinh tử, sinh về cõi tịnh thấy Phật, nghe pháp, không có tâm bi lớn, chỉ tự hưởng diệu lạc, sau lại hồi hướng quả lành. Những vị này đều không biết vô minh

vốn là trí lớn, lại riêng tìm trí huệ nơi đạo nhỏ, ví như trong kinh Duy Ma, Pháp Hoa, những vị này đều không được nghe (Trong kinh đã nói rõ, ở đây không nói lại). Vì thế từ biển sinh tử thành tự trí lớn, thực hành bi lớn, không ra khỏi, không chìm đắm là tiêu biểu cho hàng mới phát tâm vượt khỏi nghiệp quả xuất thế của ba thừa, nên trong phẩm Hiền Thủ của kinh đã nói rõ: Có người suốt một kiếp, đầu đội ba ngàn Đại thiên thế giới, thân không lay động, việc ấy vẫn chưa khó, người tin pháp này mới khó. Có người suốt một kiếp dùng tay nâng mười cõi Phật, ở trong hư không vẫn chưa là khó. Người tin pháp này mới khó. Có người suốt một kiếp đem lại an vui cho vô số chúng sinh, phước đức ấy vẫn chưa lớn. Phước đức người tin pháp này mới lớn. Có người suốt một kiếp phụng sự vô số Phật, phước đức vẫn không bằng phước đức của người tụng phẩm kinh này. Khi Bồ-tát Hiền Thủ nói kệ xong, cõi nước trong mười phương chấn động đủ sáu cách, cung ma bị che lấp, cõi ác tiêu diệt các đức Phật ở mười phương hiện ra, đưa tay phải xoa đầu Hiền Thủ, khen ngợi: Lành thay! Lành thay! Ông vui vẻ nói pháp này, chúng ta đều tùy hỷ. Điều đó có nghĩa là người tin pháp mà Bồ-tát Hiền Thủ nói là người khế hợp tâm tướng chân thật, là sự cảm ứng, là phước đức (trong kinh đã nói rõ). Lại ở phần tụng của kinh có câu: Chúng sinh ở khắp các cõi nước, ít mong cầu pháp Thanh văn, cầu pháp Duyên giác càng ít hơn, cầu pháp Đại thừa thật là hiếm. Người cầu pháp Đại thừa còn để có, người tin pháp này thật là khó có. Người tu pháp Đại thừa chỉ quán sự không để phá trừ ngã chấp và thực hành sáu Ba-la-mật. Song trong kinh chép: Có cõi thanh tịnh ở nơi khác nhau, đó là điều nghĩa đại thừa. Nhưt thừa là bi trí của Báo Phật Tỳ-lô-giá-na. Biến biển sanh tử vô minh thành biển bi trí lớn, không có ba đời xưa nay, sạch như, đó là pháp giới. Người trí, kẻ ngu đều ở trong biển ấy, không bị ngăn ngại, như ảnh tượng dưới ánh sáng, không có cõi tịnh nào khác, đó là nhưt thừa. Đây là chỉ dạy nẻo giác ngộ cho chúng sinh có tâm lớn để chứng nhập tri kiến Phật. Giáo pháp ba Thừa đều nói: Tất cả đều trống không, tất cả chúng sinh đều có tự tánh thanh tịnh, cõi Phật bình đẳng. Chỉ vì phân biệt cõi này như, cõi kia sạch, nên nhưt thừa giáo nói về sự trống không, không có mình người, sạch như. Các đức Phật ba đời đều có tự tánh thanh tịnh, không có sự phân biệt xưa nay, tất cả đều là Phật, không có trước sau, tất cả chúng sinh đều có trí tuệ Như Lai. Trong mỗi hạt bụi có đủ phạm trí mười phương. Tất cả pháp không có sự phân biệt lớn, nhỏ, vừa. Tất cả đều như hư không. Lại nữa Thế dụng của Văn Thù, Phổ Hiền, Tỳ-lô-giá-na đều bình đẳng, đó là nhưt thừa. Người mới

phát tâm phải tin hiểu, quán sát tu tập, lãnh hội như vậy. Quán sát mình, người, trí, phàm, đều là cảnh giới của trí, không thấy có tướng khác, đều là tướng Như Lai, không sanh diệt. Nhờ trí tự tại, tâm bi tùy thuận thế gian nên phân biệt các pháp để trừ tâm mê mờ. Bốn trí vốn không có một pháp nào để đạt. Dùng Trí Như Lai quán sát tất cả chúng sinh biết vì không hiểu trí Như Lai, vọng nghiệp chấp trước nên có thân hư giả. Phải hiểu rằng: nghiệp vốn không thật có, sự hiểu biết vốn như hư không. Sự hiểu biết sáng suốt tự tại là sự hiểu biết của Như Lai. Thấy tất cả mọi việc đều là việc Phật. Trong phần tụng của kinh có chép: Muốn biết tâm của Phật, hãy quán trí của Phật, trí Phật không nơi dừng, như hư không trống rỗng. Vô số sự an lạc của chúng sinh, và trí huệ phương tiện, đều có từ trí Phật. Sự giải thích của Thanh văn, Duyên giác đều từ pháp giới. Nhưng phải biết rằng: Pháp giới không nương dựa vào đâu. Đức Như Lai lập ra giáo pháp là để trừ mê lầm. Để chúng sanh biết được cảnh giới không nương dựa này. Đó là giải thoát. Nhưng sự thật không có sự trói buộc hay giải thoát. Phải tin hiểu cảnh giới, tâm lượng, hạnh nguyện của Phật là như thế.

(2) **Tự phát lòng tin tu hành:** Có sáu phẩm:

1) Danh hiệu Phật, tin danh hiệu Phật tùy thuận chúng sinh nên có khác.

2) Từ Đế: Nói về bốn Đế khổ, tập, diệt, đạo. Vì lòng ham muốn chúng sinh khác nhau nên giáo pháp khác nhau. Tuy tùy trình độ chúng sinh. Nhưng tất cả pháp đều không ngoài bốn Đế.

3) Quang Minh Giác: Nói dưới bàn chân Phật có tướng bánh xe đẹp. Đó là pháp môn để hàng phàm phu mới phát khởi lòng tin quán chiếu, để tâm trí ngày càng rộng lớn sáng suốt hơn.

4) Bồ-tát vấn minh: Nói về mười vị Bồ-tát như Văn Thù, Mục Thủ... mỗi vị thuyết một pháp tiêu biểu cho tâm phát khởi trí sáng của hàng mười tín.

5) Tịnh hạnh: Nói về một trăm bốn mươi nguyện là hạnh nguyện của hàng lòng tin thanh tịnh.

6) Hiền Thủ: Nói về Tam muội của Như Lai có tên là Phương Vọng, không phân biệt giống khác, khiến cho người có lòng tin tu tập, khi thực hành trọn vẹn sẽ đạt pháp này, đều có thần thông công dụng lớn. Sáu phần này là pháp môn thành tựu mười tín. Lại nữa, ở phần đầu của hội thứ hai có chép: Lúc bấy giờ đức Thế Tôn ở Bồ Đề đạo tràng, nơi thanh tịnh, thuộc nước Ma Kiệt Đề thành tựu Thánh giáo. Phần đầu của Phẩm mười định và phẩm lìa thế gian đều có câu này. Đó là vì ở Bồ

Đề đạo tràng, Diệu Phổ Quang Minh của Hội thứ nhất, phẩm mười định, phẩm lia thế gian của hội thứ hai đều có kể lại thứ này. Nghĩa là kinh giáo này lấy trí sáng suốt thể của sự thành tựu chánh giác. Vì trí không có tánh dài ngắn, xưa nay. Giáo pháp trước sau là có biểu hiện sự thăng tiến khác nhau nên phân bộ khác nhau. Thời gian nói pháp không ngoài một niệm, âm thanh thuyết pháp không ngoài một âm thanh là biểu hiện cho toàn bộ kinh này dùng Trí căn bản làm Thể. Vì vô số pháp sai khác ấy không ngoài một pháp giới, một khoảng thời gian, một nháy mắt, nào có xưa nay. Tất cả đều từ một âm thanh. Ở các lần lên trời cũng có chép: không rời Diệu Phổ Quang Minh của Bồ Đề đạo tràng mà lên các cõi trời Đạo Lợi, Dạ Ma... Vì vọng thức của chúng sinh thế gian nên giả đặt có xưa nay, dài ngắn. Một khi hết mê, trí sáng biểu hiện thì không còn sự thấy biết như thế. Vì vậy trong kinh nêu: Trí có trong ba đời, không đến đi. Trí thấy hiện nay cũng chính là trí của các đức Phật ba đời xưa nay cùng lúc thành Phật. Thấy tất cả chúng sinh không có tướng chúng sinh, đều cùng một Trí. Vì vậy trong kinh chép: tâm Phật tâm chúng sinh, tâm mình đều không sai khác. Nói chung là dùng Trí sáng suốt cùng khắp làm Thể của pháp giác ngộ. Sự thăng tiến tuy khác nhau nhưng không ngoài trí sáng đó. Thể của sự giác ngộ không lệ thuộc thời gian, cứ thế trình bày bốn lần. Vì vậy khi nào cũng có Văn Thù Sư Lợi nói kệ: Tích tắc quán sát vô số kiếp, không đến không đi cũng chẳng dừng, do vậy hiểu biết pháp ba đời, vượt qua phương tiện, thành mười lực. Đó là tự tin tu tập. Mười Bồ-tát như Văn Thù, Giác Thủ... là người tu hành thành tựu mười tín, mười thế giới sắc vàng, sắc hoa sen, sắc vi diệu... là tâm tin hiểu của hàng mười tín. Vì mười tín tâm đó là tâm sắc sanh diệt của hàng phàm phu phát lòng tin, thành tựu mười thắng giải. Thế giới hình sắc như quẻ Tiệm trong Kinh dịch nói: “Con chim Hồng tiến dần đến bờ nước...” là nói rõ về người mới vào đạo tăng trưởng lòng tin. Vì chim Hồng và Hạc trắng đều thuộc loài Hạc, có hình sắc tiêu biểu cho hàng tín thứ nhất. Có chỗ nói: Vì toàn một màu trắng nên gọi là chim hồng. Mười trí Phật như trời không lay động, trí không ngăn ngại... là quả của tín tâm. Bài tụng của Văn Thù Sư Lợi và chín Bồ-tát như Giác Thủ... thường là pháp tin. Ánh sáng tương bánh xe dưới thân nhập là pháp mà hàng tín tâm quán sát, theo ánh sáng để điều phục tâm, dần dần làm cho tâm rộng lớn. Trong hội thứ nhất, ánh sáng đó được phóng từ lông trắng giữa chân mày chiếu soi mười phương. Hình dạng của nó giống như ánh sáng của châu báu hoặc như mây sáng. Khi quán sát như thế, lần thứ nhất quán ánh sáng châu

báu trong suốt soi chiếu ba ngàn Đại thiên cõi nước. Thứ hai quán sát ánh sáng soi khắp mười cõi Phật ở phương đông, phương nam, tây, bắc, bốn phương, trên dưới cũng vậy. Thứ ba quán ánh sáng soi chiếu trăm cõi Phật khắp mười phương. Thứ năm quán ánh sáng chiếu soi mười ngàn cõi Phật khắp mười phương. Thứ sáu quán ánh sáng chiếu soi mười ngàn cõi Phật ở phương đông rồi chiếu đến trăm ngàn cõi Phật. Thứ bảy quán ánh sáng xuyên qua trăm ngàn cõi nước, chiếu đến trăm vạn cõi nước ở phương đông. Thứ tám quán ánh sáng xuyên qua trăm vạn cõi nước chiếu đến một ức cõi nước ở phương đông. Thứ chín, quán ánh sáng xuyên qua ức cõi nước. Chiếu đến mười ức cõi nước. Thứ mười, quán ánh sáng xuyên qua mười ức cõi nước, chiếu đến trăm ức cõi nước ở phương Đông, chiếu ngàn ức cõi, trăm ngàn ức cõi, cùng pháp giới, khắp hư không... vô số cõi nước không sao đếm được. Quán ánh sáng cứ tuần tự chiếu khắp bốn hướng trên dưới hư không. Song ánh sáng này chỉ tích tắc đã chiếu soi khắp mười phương. Lại chiếu soi tâm quán ánh sáng không thể tướng, không thân tâm, thẳng trong ngoài, không ở giữa, ở bên, không lớn nhỏ, tất cả đều không. Đó là pháp thân. Pháp thân này thuộc tánh không tạo tác. Thể của nó không có một vật gì, chỉ là trí không nương tực, vốn là tánh hư không, không có xưa nay, thể sáng suốt luôn soi chiếu mười phương, không có gốc ngọn, không từ phương hướng nào cả, đó là trí căn bản, là trí thân. Tất cả chúng sinh đều có nhưng vì mê mờ nên không hiểu. Vì tham sân bám víu ngã và sở hữu của ngã, trôi nổi trong cõi ác sanh tử. Vì vọng tưởng chấp chặt, tự chuyển theo nghiệp không lo ai khác. Những ai có khả năng quán như vậy, khi sức chiếu không còn, trí huệ hiển hiện, không phải do tu tập sanh khởi. Hòa nhập được như thế là trụ nẻo phát tâm thứ nhất của mười trụ. Như Thiện Tài lên núi Diệu Phong, đến chỗ Tỳ kheo Đức Vân, đạt pháp trí sáng của Phật, được sanh trong nhà chánh trí như các đức Phật. Câu: Vừa phát tâm đã thành chánh giác chính là hòa nhập trí không tạo tác này. Người đã qua vị mười lún, vào vòng pháp trí Ba-la-mật của mười trụ. Như tôi luyện vàng càng ngày càng sáng đẹp. Một vị đã bao hàm nhân quả của năm vị, hạnh nghiệp quả năm vị cũng là hạnh nghiệp của một vị. Vì người ở trụ thứ nhất đã khế hợp với trí căn bản. Thời gian không thay đổi, trí huệ chẳng khác sai. Nhưng trong quá trình ấy sự tăng tiến dần tinh tế hơn. Đến trụ thứ sáu của mười trụ. Tâm đạt thân thông biến hóa khôn lường. Như Thiện Tài đến chỗ Tỳ kheo Hải Tràng. Pháp này xưa nay chỉ do trí thấy biết, không do thức hiểu biết của thế gian. Câu: “Tâm thêm ánh sáng ngày thêm rộng lớn” có hai nghĩa: 1) Nhập

cảnh giới của Trí như hư không, không có khoảng cách. 2) Dùng trí hành từ bi, độ thoát chúng sinh. Lại như cảnh giới trí không giới hạn. Như phần tụng phẩm Quang Minh Giác có câu: Nhìn thấy chúng sinh ở cõi ác, luôn bị khổ đau, sanh, già, tu tập vô số pháp phương tiện, độ thoát tất cả là hạnh nghiệp. Nghe pháp tin hiểu không nghi ngờ, hiểu pháp vắng lặng không kinh sợ, tùy thuận cõi khắp mười phương, cứu độ chúng sinh là hạnh nghiệp. Như vậy thì ánh sáng dẫn dắt tâm, làm cho tâm trở về với cái sẵn có, hiển hiện cảnh giới trí huệ rộng lớn. Như trong phần Tịnh Hạnh có chép: Nhờ chúng sinh thành tựu hạnh từ bi lớn của một trăm bốn mươi hạnh nguyện lớn, còn làm cho hạnh nguyện đó sâu xa bền chắc, hoàn toàn không nghĩ thoát khổ riêng mình. Vì thế hàng mười tín mở rộng tâm như hư không, đi khắp cõi nước trong mười phương, không bỏ một chúng sinh nào. Dù chúng sinh dễ độ hay khó độ vẫn không xa lánh. Tất cả những ai mới phát tâm Bồ Đề thì phải có tâm nguyện như vậy. Phải có tâm vững chắc mới tùy thuận chí nguyện, mong đạt nhưất thiết trí, đi lại trong sáu đường, ba cõi, mười phương tùy khả năng và sở thích của chúng sinh hiện thân hình dẫn dắt chúng để chúng được giải thoát. Từ tín tâm phát khởi hạnh nguyện, xem chúng sinh như Phật vì tất cả chúng sinh đều có nhân sanh khởi trí Phật. Đều ở trong biển trí của Phật. Những ai không còn mê mờ thì không thấy Phật mới thành, không thấy hết chúng sinh, vì pháp không thêm bớt, pháp không có chúng sinh, trí huệ không thành hoại, chỉ do nên ngộ nên thấy khác nhau. Những ai không còn mê mờ thì không thấy có Phật mới thành, cũng chẳng thấy có chúng sinh cũ vì trí huệ không có củ mới. Thấy tất cả chúng sinh như tướng hư giả, không có gốc ngọn, như người giả không có sống chết, gốc ngọn. Chỉ dùng trí không nương tựa để phân biệt, làm cho chúng thấy thể chân thật, chẳng thấy có phải, trái, đó là nhập tri kiến Phật. Vì vậy trong kinh có câu: Pháp trụ, Pháp vị này là tướng thường của thế gian. An trụ nơi pháp vị ấy mới biết rõ tâm không có bụi nhơ. Nếu ai thấy có phải trái thì thấy biết bằng hình thức rối loạn, biết bao giờ nhập đạo? Sẽ trôi dạt mãi mãi. Hãy suy xét kỹ để làm việc lợi ích, như trong kinh nói: Ở phương đông cách vô số cõi nước bằng số bụi của mười cõi Phật có cõi nước tên Kim Sắc, đức Phật tên bất Động Trí. Đó là biểu hiện cho hàng mới phát tâm làm lành, tâm giác ngộ vừa sanh khởi. Phương đông tiêu biểu cho sự tốt lành vui vẻ, mặt trời mùa xuân vừa lên, vạn vật sanh khởi. Đức thiện Động Trí nghĩa là phương tây chấn động. Ngay trong sự lay động đó là trí Bất động. Vì vậy câu: Cách vô số cõi nước bằng số bụi mười cõi Phật, có nước tên

Kim Sắc”, nói về sự mê mờ tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, tà kiến. Cách vô số cõi nước bằng số bụi trong mười cõi Phật., là tiêu biểu cho phiền não chướng nhiều. Trí bất động căn bản: Vọng tưởng là động, là tự đắm chìm. Nếu luận về cõi Phật thì không có sự phân biệt ở giữa hay biên giới, làm gì có xa gần? Chỉ vì tình thức ngăn ngại nên thấy có xa gần. Nhờ hiểu được vọng tình vốn không nên có cõi nước tên Kim Sắc. Kim được biểu hiện bằng màu trắng, là trong suốt không như, tiêu biểu cho pháp thân trong sạch có từ trí sáng bất động.

Hỏi: Kim được tượng trưng cho phương tây, vì sao ở đây lại nói phương đông có thế giới tên Kim Sắc?

Đáp: Vì Kim nhận khí sắc từ can dần, tượng thai thì can mao. Nghĩa là hàng mười tín như bào thai. Bồ-tát đứng đầu tên Văn Thù Sư Lợi là hiểu rõ vô minh vốn không tánh. Vì hiển hiện công dụng của trí nên có tên là Văn Thù Sư Lợi. Ở đây nói pháp thân không tướng, trí huệ màu nhiệm như hư không là biểu hiện sự chỉ đạo của trí căn bản. Văn Thù là thầy, là mẹ của tất cả các đức Phật. Thánh trí như thiết ấy như trí trống không. Sanh khởi từ trí trống không ấy nên nơi nào cũng là cõi Kim Sắc, ở đâu cũng là Phật Bất Động Trí, ở đâu cũng là Văn Thù Sư Lợi. Khi nào hết mê, không còn bụi trần, trí huệ bừng sáng, cảnh trí mười phương đều là Thánh pháp. Tất cả đều có từ công dụng của trí, của pháp nên gọi là Trí bất động, vì vậy nói nơi nào cũng là trí bất động. Từ trí trống rỗng biểu hiện lý này nên nói nơi nào cũng là Văn Thù. Bồ-tát Văn Thù cùng vô số Bồ-tát đến chỗ Phật là tiêu biểu trí căn bản, huệ mầu nhiệm siêu vượt cùng một thể dụng. Đến chỗ Phật tùy thuận cung kính nghĩa là hàng mới phát tâm dùng trí mầu nhiệm trống rỗng phân biệt. Trí căn bản hiển hiện, hành động phải bằng trí. Đến chỗ Phật, lạy Phật, ở phương đông hóa ra tòa sư tử bằng hoa sen là biểu hiện trí phát sanh, dùng tâm trong sạch làm thể của tòa, trí cảnh trong sạch dung hợp muôn đức. Không đắm nhiễm là hoa sen. Đi lại trong sanh tử lo sợ ma không lo sợ là sư tử. Từ quả báo thanh tịnh của trí thể có vô số phước đức trang nghiêm như ánh sáng bóng hình, lớp lớp không ngăn ngại. Tất cả đều có sự trang nghiêm ấy. Ở đây nói biến hóa là để dắt dẫn chúng sanh, hàng mười tín mong đạt thật báo. Dù không nói là biến hóa nó vẫn luôn như vậy, không đến, không đi, như thế, làm cho người có lòng tin, tin mình có mười trí. Mười cõi nước đâu cũng là Bất động trí, là Văn Thù Sư Lợi, là trí sai biệt của Phổ Hiền. Ba pháp này là Thể của giáo pháp, người tu hành nên học theo. Trụ thứ nhất chủ yếu là tu

bố thí Ba-la-mật, chín Ba-la-mật kia là thứ yếu. Ở đây chỉ kể lại một pháp, chín pháp kia đã nói rõ trong luận. Tất cả đều tùy thuận nghĩa của phương hướng, biểu hiện cho sự thăng tiến. Tất cả kinh sách trong ngoài đều là để mọi người tự học tập thực hành, không thể vượt bậc suy tìm mà hợp với Hiền Thánh được. Các bậc Thánh không do giáo hóa, bản tánh vốn vậy. Đã nói xong mười tín. Còn mười trí Phật, mười Bồ-tát như vẫn thù... chỉ nói một pháp hợp với công dụng của quả Phật, trí huệ sâu mầu, hạnh nguyện từ bi. Trong sáu phẩm lấy mười trí Phật làm thể của tín tâm nên gọi là mười tín. Phương tiện trong mười tín là quán pháp vào đạo. Nhờ ánh sáng của tướng bánh xe dưới chân Phật dắt dẫn tâm dần dần rộng lớn. Đó là phương tiện đưa hàng mười tín vào Thánh vị. Những ai mong muốn, hãy nương pháp quán sát (Tuần tự như trước).
